TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 386/2025/HC-PT
Ngày: 10/6/2025
Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 209/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5749/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Hoàng Văn N sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị Minh É sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: Số nhà A, ngõ F, tổ A phường T, quận L, thành phố Hà Nội; Đều có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Hoàng H sinh năm 1991; địa chỉ: Công ty L, Tầng B tòa B, số A đường P, quận N, thành phố Hà Nội; Có mặt.

**** Người bị kiện****:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chủ tịch UBND và Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. UBND phường T, quận L, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Bích H1 - Chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn T sinh năm 1963 và bà Hà Thị Bình S năm 1979; Cùng địa chỉ: Số nhà B N, tổ A, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; Đều vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn T1 sinh năm 1982 và ông Hoàng Văn T2 sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: tổ A phường T, quận L, thành phố Hà Nội; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É trình bày:

Ông bà có mảnh đất tại tổ A, phường T, quận L, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất do cụ Hoàng Văn P (Bố đẻ ông N) nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn K năm 1984 với diện tích 495m² và Hợp tác xã Thạch Bàn cấp đất giãn dân với diện tích 218m² cùng năm 1984. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng ông N đã làm nhà, xây dựng công trình trên đất để sinh sống, sản xuất, chăn nuôi. Tuy nhiên, thực trạng đất sử dụng đã có sự thay đổi, thiếu hụt so với thời điểm năm 1984, mảnh đất của vợ chồng ông N chỉ còn sử dụng 616,5m² đất.

Năm 2009, vợ chồng ông N tách đất chia cho 02 người con trai của mình: ông Hoàng Văn T1 được chia 129,4m² đất và ông Hoàng Văn T2 được chia 131m². Ông T1 và ông T2 đã được UBND quận L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015. Phần diện tích đất còn lại là 375,6m² vợ chồng ông N vẫn đang sử dụng.

Năm 2014, vợ chồng ông N làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất có diện tích 375,6m², trong quá trình hoàn thiện hồ sơ thì gia đình ông Hoàng Văn T có Đơn gửi UBND quận L, Thành phố Hà Nội đòi quyền sử dụng đất đối với 44,6m² đất thuộc một phần diện tích đất 375,6m² đất của vợ chồng ông N.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại UBND quận L, gia đình ông T chỉ cung cấp được phiếu thu tiền đề ngày 01/6/1992, không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện mốc giới, kích thước, diện tích phần ao mà ông T nhận sử dụng. Vì vậy, Chủ tịch UBND quận L đã ra Quyết định số 1473/QĐ-CTUBND ngày 20/11/2018 bác yêu cầu của ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị B.

Sau đó, ông T tiếp tục có Đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND Thành phố H khiếu nại đối với Quyết định số 1473/QĐ-CTUBND ngày 20/11/2018 của Chủ tịch UBND quận L và được thụ lý giải quyết.

Ngày 20/10/2020, Chủ tịch UBND Thành phố H đã ban hành Quyết định

số 4716/QĐ-UBND kết luận đối với đề nghị kiện đòi 44,6m² của ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị B là có cơ sở xem xét, chấp thuận Đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị B.

Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Thành phố H theo Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020, ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị Minh É đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Lý do khởi kiện như sau:

Thứ nhất**,** Chủ tịch UBND Thành phố H căn cứ vào Bản đồ phường T lập năm 1993-1996 xác định diện tích đất của gia đình ông T sử dụng tại tổ A, phường T có nguồn gốc từ thửa đất số 490, tờ bản đồ số 3c, phường T, diện tích là 1.670m² là hoàn toàn không đúng do tờ bản đồ năm 1993-1996 có nhiều điểm bất hợp lý. Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông T trước đây là đất ao của Hợp tác xã T3, diện tích 1.492m², loại đất ao là thửa đất số 490, tờ bản đồ số *6 (theo tờ bản đồ địa chính năm 1993-1996 là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01).* Năm 1992, gia đình ông T, ông M được Hợp tác xã T3 thanh lý cho 01 ao, tại thời điểm không có sơ đồ mốc giới, kích thước và diện tích đất.

Tuy nhiên, diện tích đất của gia đình ông T, ông M thể hiện trên bản đồ năm 1993-1996 là 1.670m² đã khai tăng thêm 178m² so với thời điểm ban đầu. Ngoài ra, trong quá trình ông T, ông M sử dụng, một phần diện tích đất đã được sử dụng để làm đường, do đó phần diện tích đất nhà ông T, ông M không thể vượt quá 1.492m² đất.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết Chủ tịch UBND Thành phố H có chỉ đạo Sở T4 thực hiện việc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhưng gia đình ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị Minh É có trình bày không nhận được kết quả đo đạc cụ thể đối với thửa đất nhà gia đình ông N và gia đình nhà ông T nên chưa có cơ sở rõ ràng để xác định gia đình nhà ông T đang bị thiếu đất.

Năm 2013, ông M và ông T tự chia thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, ông M được chia 915m² đất và được UBND phường T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một phần diện tích đã sử dụng làm đường chưa rõ diện tích là bao nhiêu, phần còn lại gia đình ông T được sử dụng. Do đó, phần diện tích mà gia đình ông T sử dụng sẽ không vượt quá 577m². Trong khi ông T đã được UBND quận L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích đất là 661,8m².

Thứ ba, nguồn gốc sử dụng thửa đất của ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị Minh É là thửa đất số 492, diện tích 495m² của bố đẻ ông N mua năm 1984 của ông Nguyễn Văn K là đất thổ cư. Cùng năm 1984, ông N được HTX Thạch Bàn cấp đất giãn dân diện tích 218m². Như vậy ông N, bà É sử dụng từ năm 1984 đến năm 1990 là 713m² đã được hội đồng đăng ký ruộng đất xã T xác nhận năm

1987 đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, có ông Lê Thành V - Chủ tịch là nhân chứng. Diện tích mà ông N, bà É sử dụng thửa đất số 185 tờ bản đồ số 01 hiện trạng chỉ có 616,5m², thiếu 96,5m².

Năm 2009, ông N xin tách thửa số 185, tờ bản đồ số 01 thành 03 thửa cho con là Hoàng Văn T1 thửa số 185-1, tờ bản đồ số 01 diện tích 122,2m²; Thửa số 185-2, tờ bản đồ số 01 cho con là Hoàng Văn T2 diện tích 118,2m²; Còn lại thừa 185-3 diện tích 375,6m² do vợ chồng ông N quản lý, sử dụng.

Từ những căn cứ trên, có thể xác định phần diện tích đất đang tranh chấp 44,6m² thuộc phần diện tích đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị Minh É.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É, đại diện ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H có ý kiến trên cơ sở Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H không có ý kiến khác với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định này. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận L trình bày như sau:

Về quan điểm đối với các nội dung tại Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn T và vợ là bà Hà Thị B (lần 2):

Ngày 20/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L có Quyết định số 1573/QĐ-CTUBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Văn T và vợ là bà Hà Thị B với ông Hoàng Văn N và vợ là bà Hoàng Thị Minh É; Ủy ban nhân dân quận L giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 1573/QĐ-CTUBND ngày 20/11/2018 và không có ý kiến nào khác. Phần diện tích đất 44,60m² đang có tranh chấp (vị trí gồm các mốc 1, A, D, E, 1 tại sơ đồ thửa đất do Ủy ban nhân dân phường T lập ngày 18/4/2014) thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ 3C (Bản đồ đo vẽ năm 1990) do Hợp tác xã T3 quản lý; trước năm 2000, ông Hoàng Văn N và vợ là bà Hoàng Thị Minh É đã tự sử dụng trồng tre; đến năm 2014, ông N bà É xây dựng công trình và tường bao không phép, Ủy ban nhân dân phường T đã có kế hoạch cưỡng chế, tuy nhiên ông N, bà É xin được tự dỡ bỏ; nhưng ngay sau đó, vào tháng 12/2014, ông N bà É đã xây dựng lại công trình trên đất là tường gạch, cột sắt, mái lợp tôn phục vụ làm kho và chăn nuôi để sử dụng cho đến nay.

- Ông Hoàng Văn T cho rằng, phần diện tích 44,60m² đang có tranh chấp thuộc ranh giới thửa ao do Hợp tác xã nông nghiệp đấu thầu năm 1991 nên khi trúng thầu thì đương nhiên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông; tuy nhiên, tài liệu do ông T cung cấp chỉ có phiếu thu tiền của Hợp tác xã ngày 01/6/1992,

không có bất cứ tài liệu nào thể hiện mốc giới, kích thước, diện tích phần ao mà ông T nhận bàn giao từ Hợp tác xã T3; do vậy, không có cơ sở để công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 44,60m² tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01 cho ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị B.

Từ kết quả xác minh và nhận định trên, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1573/QĐ-CTUBND ngày 20/11/2018 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa: ông Hoàng Văn T và vợ là bà Hà Thị B với ông Hoàng Văn N và vợ là bà Hoàng Thị Minh É. Theo đó, bác yêu cầu của ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị B về việc đề nghị được công nhận quyền sử dụng diện tích 44,60m² đất ao thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Thạch Bàn đo vẽ năm 1993-1996; địa chỉ thửa đất tại tổ A, phường T.

Về việc thực hiện các nội dung chỉ đạo tại Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ngày 10/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Thông báo số 18/TBTL-HCST về việc thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, người khởi kiện là ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É; do đó, Ủy ban nhân dân quận L chưa có cơ sở tổ chức thực hiện theo Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị B trình bày như sau:

Ngày 01/6/1992, gia đình ông bà có mua 01 mảnh đất thanh lý của Hợp tác xã T3 (có phiếu thu) với giá trị là: 5.300.000 đ. Mảnh đất của gia đình ông bà thuộc thửa đất 490, tờ bản đồ 3c phường T, diện tích 1630m², loại đất ao có nguồn gốc của Hợp tác xã. Theo bản đồ mục kê của phường T lập 1993-1996: Diện tích thửa đất ao Hợp tác xã nông nghiệp Thạch Bàn thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, phường T, diện tích 1.670m², đăng ký tên chủ sử dụng đất Hoàng Văn M, không thể hiện loại đất.

Khoảng năm 2010, gia đình ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị Minh É có tự ý lấn chiếm đất của gia đình ông bà. Ngay khi biết việc này, ông bà đã thông báo kịp thời cho UBND phường T, UBND quận L và thành phố Hà Nội. Năm 2014, gia đình ông N tiếp tục xây dựng chuồng trại để chăn nuôi. Tuy nhiên, UBND phường đã kịp thời lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu hộ gia đình ông N tự tháo dỡ công trình vi phạm nếu không sẽ bị cưỡng chế.

Khoảng tháng 12/2014, hộ gia đình ông N không những không tự giác tháo dỡ công trình vi phạm mà còn có hành vi ngang nhiên chống đối, thách

thức. Chính quyền phường, quận và thành phố bằng việc xây dựng công trình truồng trại để chăn nuôi. Việc làm này của hộ ông N, bà É gây bức xúc tạo thành dư luận trong quần chúng nhân dân.

Sau nhiều năm ngậm đắng nuốt cay, gia đình ông bà đã gửi đơn tới UBND phường T để giải quyết dứt điểm vụ việc. Tuy nhiên, nỗ lực từ phía chính quyền địa phương và gia đình gặp phải nhiều trở ngại từ sự thiếu thiện chí hợp tác của gia đình ông N và bà É dẫn đến việc hoà giải không thành.

Sau nhiều lần hoà giải, giải quyết không thành và cảm thấy chưa đúng về nội dung kết quả giải quyết của UBND quận L. Ông, bà tiếp tục gửi đơn khiếu nại tới UBND thành phố H. Ngày 20/10/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4176/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà. Căn cứ Quyết định 4176/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND thành phố H, trong đó có nội dung: "Căn cứ theo kết quả khôi phục ranh giới thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính phường T, tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm nghiên cứu trắc địa công trình lập 08/1993 trên thực địa tại tổ A, phường T, quận L, đã xác định các điểm mốc 11, 12, 13 và 14 nằm trên khuôn viên diện tích 375,6m² đất ông N, vợ là bà É đang sử dụng tại tổ A, phường T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trong đó có diện tích 70m² đất (trong đó có 44,6m² đất đang có tranh chấp nêu trên). Ngoài ra, tại quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của thành phố có nêu: "Giao UBND quận L chỉ đạo UBND phường T căn cứ các điểm mốc số 11, 12, 13 và 14, có diện tích 70m² thuộc thửa đất 180, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính phường T, tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm nghiên cứu trắc địa lập tháng 8/1993, được khôi phục trên thực địa tại tổ A, phường T, quận L ngày 25/02/2020, thực hiện: Xác định vị trí diện tích 44,6m² đất đang có tranh chấp (vị trí gồm các mốc 1, A, D, E, 1 tại sơ đồ thửa đất do UBND phường T ngày 18/4/2014, thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ 3C, bản đồ phường T lập đo vẽ năm 1990), hướng dẫn gia đình ông Hoàng Văn T kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai 2013.

Từ những chứng cứ nêu trên ông bà khẳng định ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị Minh É đã lấn chiếm 70m² đất của gia đình ông bà tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01 thuộc phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T1 và anh Hoàng Văn T2 trình bày như sau: Nhất trí với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bố mẹ các anh là ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 11, Điều 100, Điều 203, Điều 204 Luật Đất đai

năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Phí và Lệ phí; Luật Người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2024 người khởi kiện ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đều cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, không khách quan dẫn đến quyết định không đúng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo đúng nội dung kháng cáo.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong đơn có nội dung thể hiện việc cung cấp tài liệu hồ sơ chứng cứ liên quan đến vụ án, đã cung cấp đầy đủ tại phiên tòa sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm không bổ sung tài liệu chứng cứ gì mới và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Đơn kháng cáo của người khởi kiện được gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ và đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, khách quan từ đó phân tích và đánh giá về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp như sau: Diện tích đất của gia đình ông Hoàng Văn T sử dụng tại tổ A, phường T có nguồn gốc thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ 3C, phường T, diện tích 1.630m², loại đất ao (A), tên chủ sử dụng đất là Hợp tác xã. Ngày 01/6/1992, Hợp tác xã T3 có phiếu thu tiền của ông Hoàng Văn M với số tiền 5.300.000 đồng, đề thanh lý ao (ông Hoàng Văn M là anh ông Hoàng Văn T, đã chết tháng 11 năm 2023).

Theo Bản đồ, sổ mục kê phường T lập năm 1993-1996: Diện tích thửa đất ao Hợp tác xã nông nghiệp Thạch Bàn được thể hiện thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01 phường T, diện tích 1.670m², đăng ký tên chủ sử dụng đất ông Hoàng Văn M, không thể hiện loại đất. Năm 2014, ông Hoàng Văn M và ông Hoàng Văn N tự phân chia diện tích thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, phường T thành 03 thửa đất, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 03/01/2014, UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số BT 954394, diện tích 310,4m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số BT 954393, diện tích 351,4m² cho chủ sử dụng đất là ông Hoàng Văn T và vợ là bà Hà Thị B; ngày 15/9/2014, UBND xã T cấp Giấy đăng ký xác nhận đất đai số 145/GXN-UBND, xác nhận ông Hoàng Văn M đang sư dụng diện tích 725,8m² thuộc thửa đất số 180-1, tờ bản đồ số 01, việc chưa thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M do thửa đất không phù hợp quy hoạch sử dụng đất vào mục đích đất ở.

Như vậy, diện tích đất ông Hoàng Văn M, ông Hoàng Văn T được UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường T cấp Giấy đăng ký xác nhận đất đai có diện tích 1.387,6m² (310,4m² + 351,4m² + 725,8m²) là giảm 282,4m² so với diện tích đất thể hiện tại Bản đồ phường T lập năm 1993-1996. Theo ông T trình bày diện tích đất giảm là do có một phần diện tích

gia đình lùi lại để mở rộng đường và một phần diện tích bị lấn chiếm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất gia đình ông Hoàng Văn N sử dụng tại tổ A, phường T, quận L có nguồn gốc của ông Hoàng Văn P (bố đẻ ông Hoàng Văn N) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn K năm 1984. Ngày 07/01/1987, ông Hoàng Văn N (Đơn ghi là Lào) có đơn xin đăng quyền sử dụng đất, trong đó có thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 16, xứ đồng Đội 13, diện tích ghi 411m², tẩy xóa thành 495m², loại ruộng đất T, nguồn gốc đất ghi HTX cấp, được tẩy xóa ghi thành mua của ông K năm 1984.

Theo Bản đồ phường T lập năm 1990-1991, diện tích đất ông N sử dụng thể hiện thuộc thửa đất số 492, tờ bản đồ sốô 3C, có diện tích 495m² Sổ mục kê thể hiện loại đất T+Q, đăng ký tên chủ sử dụng ông Hoàng Văn N (Sổ ghi là Lào). Theo Bản đồ phường Thạch Bàn đo vẽ năm 1993-1996, thể hiện thuộc thửa số 185, tờ bản đồ số 01, diện tích 470m², đăng ký tên chủ sử dụng Hoàng Văn N (sổ ghi là Lào).

Trong quá trình sử dụng đất, ông Hoàng Văn N chia tách thửa đất thành 03 thửa để sử dụng và cho hai người con, gồm: Ông Hoàng Văn T1 sử dụng diện tích 122,2m² (đã được UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014), ông Hoàng Văn T2 sử dụng diện tích 118,7m², (đã được UBND quận L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014). Ông Hoàng Văn N sử dụng diện tích 375,6m² đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo trong diện tích 375,6m² đất có diện tích 44,60m² đang tranh chấp với gia đình ông Hoàng Văn T.

Như vậy, diện tích ông Hoàng Văn N cùng ông Hoàng Văn T2, ông Hoàng Văn T1 (con trai ông N, bà É) sử dụng tại tổ A, phường T có 616,5m² đất là tăng 146,5m² so với diện tích đất ông Hoàng Văn N đăng ký, thể hiện thuộc thửa đất số 185, tờ bản đồ số 01, Bản đồ phường Thạch Bàn lập năm 1993-1996; tăng 121,5m² so với diện tích 495m² đất thể hiện tại đơn ông Hoàng Văn N đăng ký quyền sử dụng đất ngày 07/01/1987 và Bản đồ phường T lập năm 1990-1991, thể hiện thuộc thửa đất số 492, tờ bản đồ số 3C.

Việc tổ chức khôi phục ranh giới thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T, tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm nghiên cứu trắc địa công trình lập tháng 8/1993 trên thực địa tại tổ A, phường T, quận L, đã xác định có các điểm mốc: Số A, 12, 13 và 14 thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T năm trên phần diện tích 375,6m² đất do gia đình ông Hoàng Văn N, vợ bà Hoàng Thị Minh É đang sử dụng.

Căn cứ theo các mốc số 11, 12, 13 và 14 thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T nằm trên phần diện tích do gia đình ông Hoàng Văn N, vợ bà Hoàng Thị Minh É đang sử dụng được xác định có diện tích 70m² đất. Trong diện tích 70m² đất thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01,

Bản đồ địa chính phường T lập năm 1993 hiện do gia đình ông N đang sử dụng có diện tích 44,60m² đang tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn N với gia đình ông Hoàng Văn T.

Theo kết quả giải quyết đất đang tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn T với gia đình ông Hoàng Văn N tại tổ A, phường T, quận L của UBND quận L, đã xác định: "Phần diện tích đất 44,60m² đang có tranh chấp (vị trí gồm các mốc 1, A, D, E, 1 tại sơ đồ thửa đất do UBND phường T lập ngày 18/4/2014) thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ 3C (Bản đồ đo vẽ năm 1990) do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý; trước năm 2000, ông Hoàng Văn N và vợ là bà Hoàng Thị Minh É đã tự sử dụng trồng tre; đến năm 2014, ông N bà É xây dựng công trình và tường bao không phép, Ủy ban nhân dân phường T đã có kế hoạch cưỡng chế, tuy nhiên ông N, bà É xin được tự dỡ bỏ, nhưng ngay sau đó, vào tháng 12/2014, ông N bà É đã xây dựng lại công trình trên đất là tường gạch, cột sắt, mái lợp tôn phục vụ làm kho và chăn nuôi để sử dụng".

Như vậy, căn cứ theo kết quả khôi phục ranh giới thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T, tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm nghiên cứu trắc địa công trình lập tháng 8/1993 trên thực địa tại tổ A, phường T, quận L, cho thấy: Trong tổng diện tích 375,6m² đất gia đình ông Hoàng Văn N đang sử dụng tại tổ A, phường T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 70m² đất thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T lập năm 1993, chủ sử dụng là ông Hoàng Văn M (ông M là anh ông T).

Căn cứ theo kết quả khôi phục ranh giới thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T, tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm nghiên cứu trắc địa công trình lập tháng 8/1993 trên thực địa tại tổ A, phường T, quận L, đã xác định có các điểm mốc số 11, 12, 13 và 14 nằm trên khuôn viên diện tích 375,6m² đất do ông Hoàng Văn N, vợ là bà Hoàng Thị Minh É đang sử dụng tại tổ A, phường T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích đất thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T, lập tháng 8/1993, chủ sử dụng đất là ông Hoàng Văn M được xác định có 70m² thuộc phần thửa đất có diện tích 374,6m² đất do ông Hoàng Văn N, vợ là bà Hoàng Thị Minh É đang sử dụng tại tổ A, phường T.

Do đó, ông Hoàng Văn T và vợ là bà Hà Thị B đề nghị công nhận quyền sử dụng diện tích 44,60m² đất đang tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn T với gia đình ông Hoàng Văn N tại tổ A, phường T, quận L thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính phường T, đo về 1993-1996, có diện tích 1.670m², chủ sử dụng đất là ông Hoàng Văn M là có căn cứ.

Việc ngày 20/11/2018, Chủ tịch UBND quận L có Quyết định số 1573/QĐ-CTUBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa: Ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị B với ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É có nội dung: "Bác yêu cầu của ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị B về việc công nhận quyền sử dụng diện tích 44,60m² đất ao thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 01,

bản đồ địa chính Thạch Bàn đo vẽ năm 1993-1996; địa chỉ thửa đất tại tổ A, phường T", là không có cơ sở pháp lý.

Từ nhận định, đánh giá nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông N bà É với ông T, bà B với nội dung giải quyết như trong quyết định là đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới và chính tại phiên tòa hôm nay ông bà cũng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É, giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Mặc dù yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É không được chấp nhận nhưng ông N bà É đều là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị Minh É được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà **Hoàng Thị Bích Hải** **Bùi Xuân Trọng**